

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bán lẻ với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

KDC, BCM

## [Cập nhật công ty]

TCB

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chốt lời từng phần tại với các cổ phiếu đang tiếp cận các vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ sau đó

05/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,097.82	+0.64
VN30	1,091.08	+0.38
HĐTL VN30F1M	1,087.20	+0.78
HNXIndex	226.56	+0.23
HNX30	418.28	-0.33
UPCoM	84.11	+0.18
USD/VND	23,497	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.07	+2
Lãi suất qua đêm (%)	3.75	-10
Dầu (WTI, \$)	73.50	+2.45
Vàng (LME, \$)	1,940.99	-0.36



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,097.82 (+0.64%)  
**KLGD (triệu CP)** 894.0 (-5.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 747.4 (-4.3%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bán lẻ với thanh khoản giảm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng, tập trung tại VNM (+1.0%), HCM (-2.0%), CTG (+0.4%).

**HNXIndex** 226.56 (+0.23%)  
**KLGD (triệu CP)** 107.2 (-18.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 69.3 (-9.3%)

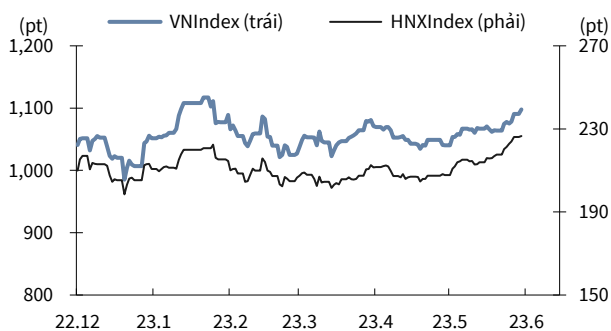
Trong 5 tháng đầu năm, ngành nông nghiệp xuất siêu hơn 3.5 tỷ USD. Đặc biệt, xuất khẩu gạo có tăng trưởng cao nhất, đạt trên 2 tỷ USD, tăng tới gần 50% so với cùng kỳ năm 2022. Cổ phiếu ngành gạo tăng giá ở PAN (+1.36%), LAF (+6.61%).

**UPCoM** 84.11 (+0.18%)  
**KLGD (triệu CP)** 68.9 (-48.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 35.3 (-3.6%)

Trong phiên giao dịch sáng 5/6, giá dầu Brent giao dịch kỳ hạn tăng 1.51 USD (2%) lên 77.64 USD/thùng sau khi Saudi Arabia quốc gia xuất khẩu dầu hàng đầu thế giới cam kết cắt giảm sản lượng thêm 1 triệu thùng/ngày kể từ tháng Bảy. Cổ phiếu ngành dầu khí tăng giá ở BSR (+2.3%), PLX (+2.3%)

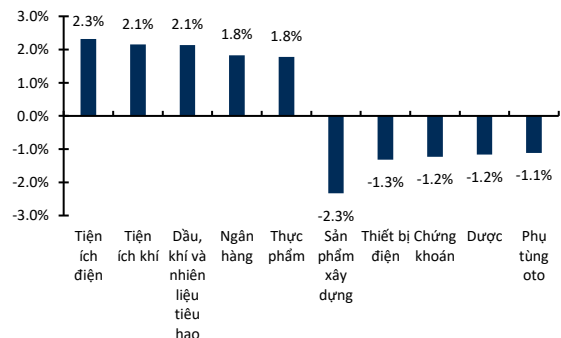
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -6.3

## VNIndex & HNXIndex



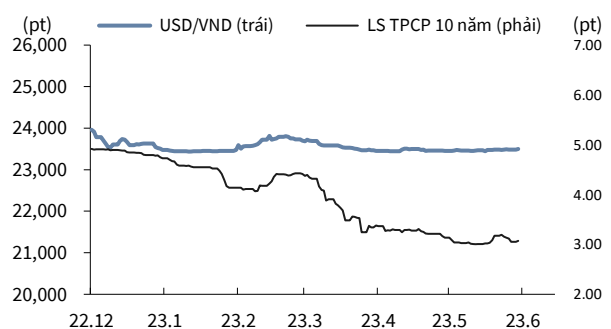
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



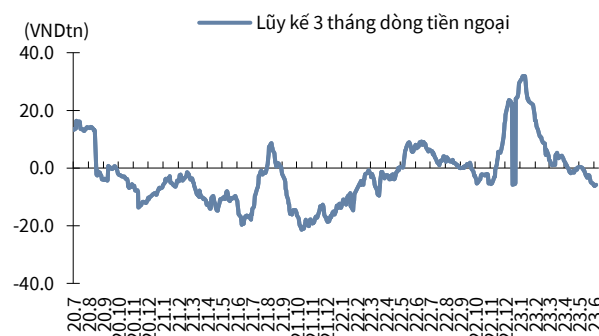
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

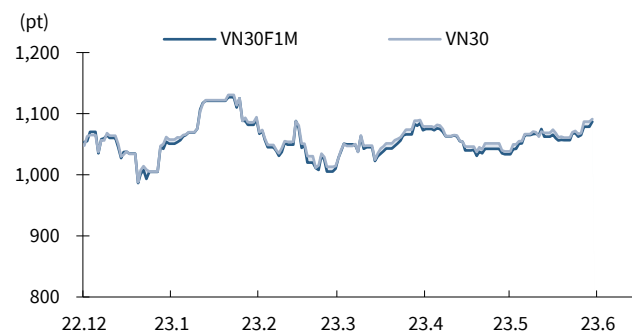
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,091.08 (+0.38%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,087.2 (+0.78%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,082.8</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,092.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,082.5</b>

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 ghi nhận mức cao nhất phiên tại 1.44 điểm ở đầu phiên sáng sau đó đảo chiều và biến động trong biên độ âm quanh mức -7 điểm và đóng cửa tại -3.66 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

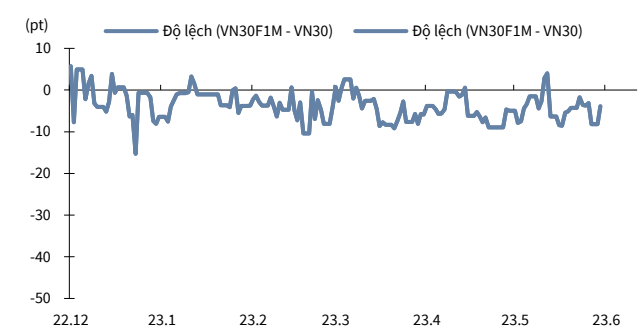
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>151,338 (-29.0%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



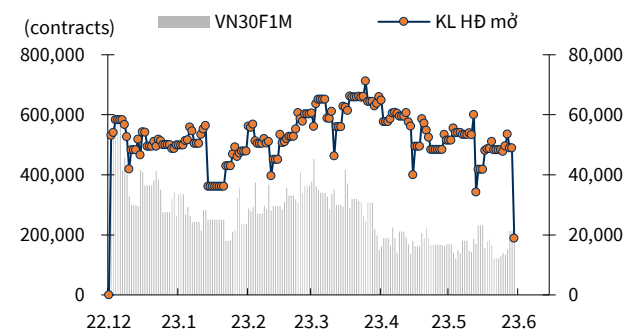
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



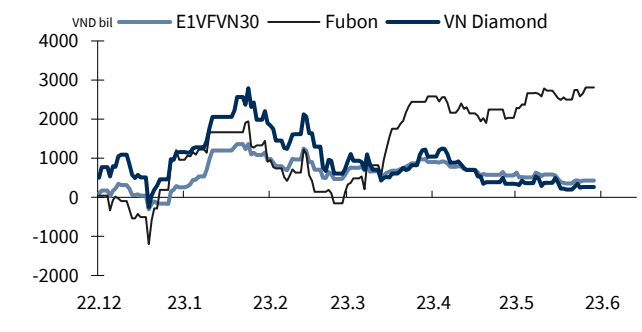
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

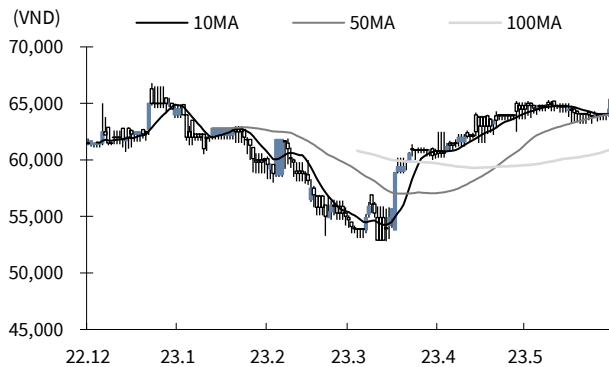
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

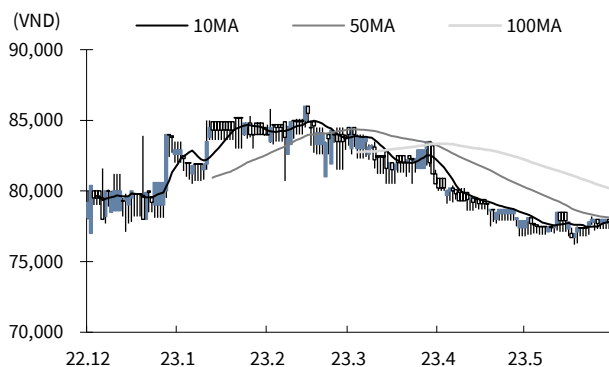
## CTCP Tập đoàn KIDO (KDC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDC tăng 0.62% lên 64,500VND/cp.
- Ngày 5/6, Công ty CP Tập Đoàn KIDO công bố đã hoàn tất giai đoạn 1 mua 25% cổ phần từ công ty sở hữu thương hiệu Thọ Phát. KIDO đang trong quá trình thương thảo để đạt 51% và lên đến tối đa 70% cổ phần theo Nghị quyết HĐQT thông qua vào ngày 14/4. KIDO đặt mục tiêu 2,000 tỉ đồng doanh thu cho Thọ Phát cùng với mảng bánh của tập đoàn và 200 tỉ đồng lợi nhuận trong năm 2023.

## Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (BCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BCM giảm 0.26% xuống 77,800VND/cp
- Tổng công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp vừa thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 1 năm 2023 với tổng giá trị 1,000 tỷ đồng. BCM cho biết, đây là trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Becamex với kỳ hạn không quá 2 năm. Thời gian phát hành dự kiến trong tháng 6 này.

05/06/2023

 Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh  
linhpp@kbsec.com.vn

### Cập nhật KQKD 1Q2023

Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 9,300 tỷ đồng (-8% YoY). Tăng trưởng tín dụng Q1/2023 đạt 9% - mức cao vượt trội so với các ngân hàng khác. Chi phí hoạt động tăng nhẹ 1% YoY, lên mức 3,124 tỷ đồng. Trong quý 1, ngân hàng cũng tăng trích lập dự phòng do dư nợ tín dụng tăng mạnh. Kết thúc quý 1/2023 LNTT của TCB đạt 5,623 tỷ đồng (-17.1% YoY) - hoàn thành 26% kế hoạch năm 2023.

### Tỷ lệ nợ xấu vẫn được kiểm soát dưới 1%

Chất lượng tài sản có phần suy giảm nhưng vẫn được ngân hàng kiểm soát. Tỷ lệ nợ xấu Q1/2023 của TCB duy trì ở mức 0.85% (cuối năm 2022 là 0.91%). NPL của nhóm KHDN lớn (WB) gần như bằng 0 đã bù đắp cho sự suy giảm chất lượng tài sản từ phân khúc bán lẻ và SME. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm dần về 134% trong Q1/2023, nhưng vẫn nằm trong vị trí top đầu ngành.

### KQKD được kỳ vọng hồi phục trong 2H2023

Mặt bằng lãi suất suất huy động giảm cùng với sự hồi phục của nền kinh tế sẽ hỗ trợ cải thiện tỷ lệ CASA sau khi tỷ lệ này đã giảm mạnh trong 2 quý gần đây. Nhìn chung, chúng tôi kỳ vọng chi phí vốn của TCB sẽ giảm đáng kể trong khi lãi suất cho vay giảm chậm hơn do độ trễ của chính sách, từ đó tạo cơ sở cho NIM tăng trở lại trong các quý tới.

### Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 37,700 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2023 của cổ phiếu TCB là 37,700 VND/cp, cao hơn 17% so với giá tại ngày 02/06/2023. Khuyến nghị MUA với cổ phiếu TCB.

## MUA

Duy trì

Giá mục tiêu	VND 37,700
Tăng/giảm	17%
Giá hiện tại (01/06/2023)	32,200
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	106,572

#### Dữ liệu giao dịch

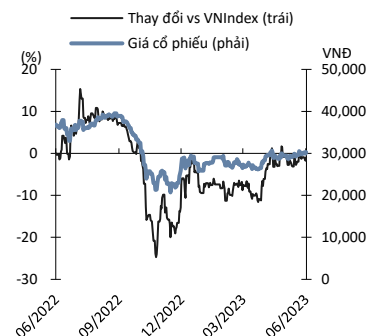
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	93.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	433.42
Sở hữu nước ngoài (%)	22.5%
Cơ cấu cổ đông	MSN (14.96%)

#### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2.7	11.0	10.6	-16.8
Tương đối	-0.1	7.1	6.3	-0.5

#### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	26,699	30,290	33,251	38,350
LN trước CF DPRRTD (tỷ VND)	25,903	27,504	29,256	34,362
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	18,052	20,150	21,208	25,619
EPS (đồng/cổ phiếu)	5,137	5,725	6,018	7,255
Tăng trưởng EPS (%YoY)	46.1%	11.4%	5.1%	20.6%
PER (x)	9.71	6.26	5.95	4.94
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	25,476	30,908	37,258	44,583
PBR (x)	1.96	1.16	0.96	0.80
ROE (%)	22.0%	19.8%	17.4%	17.5%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

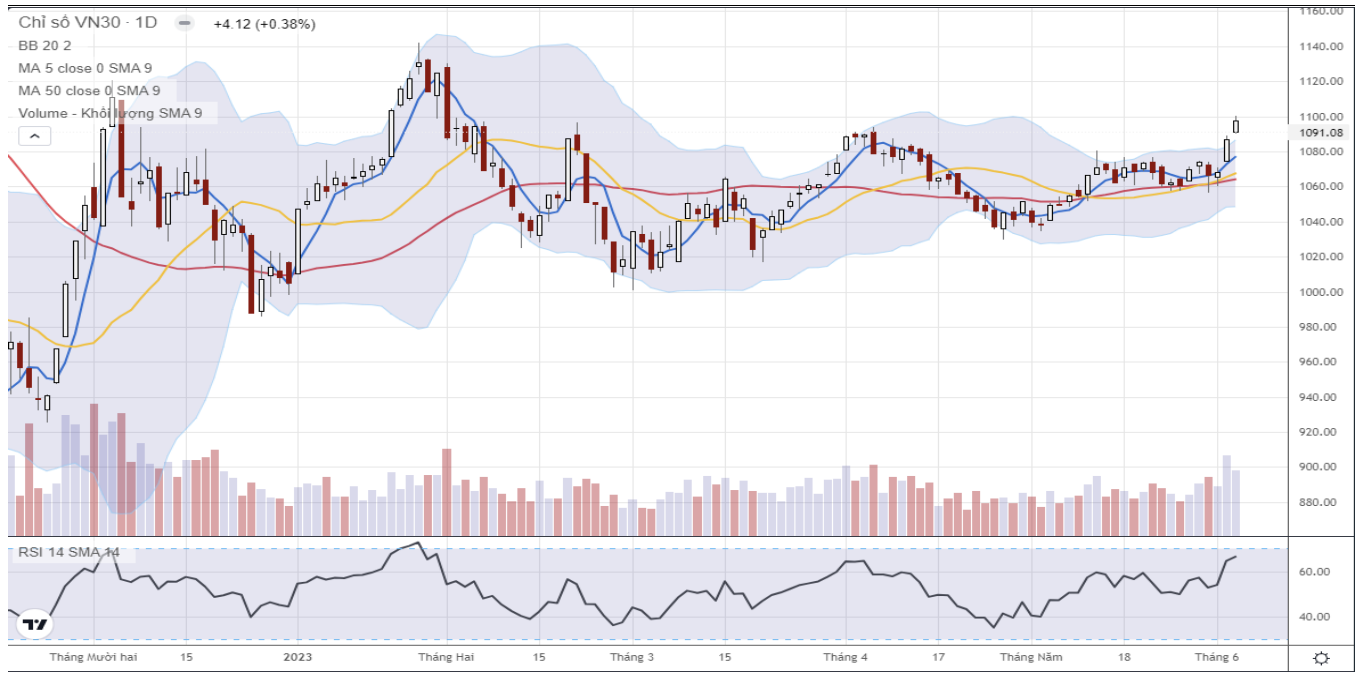
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hạ dần độ cao về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời gia tăng quanh ngưỡng cản đáng lưu ý 1100 (+/-) đã khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số có phần sớm hạ nhiệt trong phiên hôm nay. Mặc dù vậy, ngưỡng hỗ trợ quanh 1090 được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ gần của VNIndex các trong phiên tới và giúp cho chỉ số hồi phục trở lại.
- NĐT được khuyến nghị chốt lời từng phần tại với các cổ phiếu đang tiếp cận các vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ sau đó.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1097 - 1102

Kháng cự gần: 1090 - 1093

Hỗ trợ gần: 1081 - 1084

Hỗ trợ xa: 1075 - 1078

- #FTMBulletBodyF1 tăng điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hạ dần độ cao về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng quanh ngưỡng cản đáng lưu ý 1090 đã khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số có phần sớm hạ nhiệt trong phiên hôm nay. Mặc dù vậy, ngưỡng hỗ trợ quanh 1080 được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ gần của F1 các trong phiên tới và giúp cho chỉ số hồi phục trở lại.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

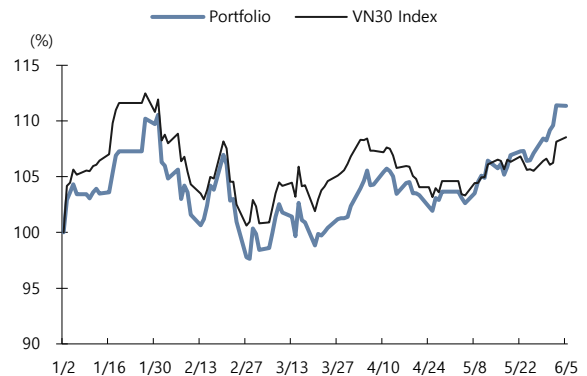
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.38%	-0.05%
Tăng lũy kế (YTD)	8.54%	11.35%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	41,200	1.0%	6.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	24,100	0.0%	15.0%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	73,700	1.0%	28.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	26,100	-0.8%	6.5%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,150	-3.3%	12.0%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	85,000	1.4%	250.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,750	0.3%	52.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,000	2.2%	28.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,650	0.2%	94.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	27,900	-2.6%	171.5%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.6%	24.4%	49.4
SSI	0.0%	43.4%	35.1
KBC	-2.6%	18.5%	25.0
VCB	3.3%	23.6%	19.5
CTD	1.9%	48.4%	15.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.9%	55.0%	-97.2
HCM	-2.0%	46.9%	-32.3
CTG	0.4%	27.4%	-32.1
MSN	2.5%	30.1%	-28.2
NLG	-1.9%	44.6%	-19.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.3%	20.9%	15.8
PLC	-0.3%	1.1%	1.1
IDC	-1.7%	1.1%	0.9
CEO	-1.1%	4.6%	0.8
DDG	-3.3%	3.2%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVB	9.4%	8.7%	-1.6
SD5	-5.6%	8.0%	-0.9
BVS	-3.2%	6.8%	-0.8
NDX	-2.8%	4.3%	-0.4
THD	0.5%	0.7%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	6.3%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	5.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hàng hải	5.1%	VSC, VOS, SKG, VTO
Ngân hàng	4.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Thương mại & phân phối	4.2%	VPG, TSC, BTT, TNA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng không dân dụng	-2.4%	VJC, HVN
Quản lý & phát triển bất động sản	-1.5%	VHM, VIC, NVL, BCM
Sản phẩm xây dựng	-1.5%	VGC, BMP, SHI, DAG
Phụ tùng oto	-1.1%	DRC, CSM, PAC, TNC
Máy móc	-0.3%	TCH, HHS, SRF, SHA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	20.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Thương mại & phân phối	15.9%	VPG, TSC, BTT, TNA
Chứng khoán	13.3%	SSI, VND, HCM, VCI
Máy móc	13.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Hóa chất	12.4%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-7.1%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phụ tùng oto	-5.4%	DRC, CSM, PAC, TNC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.8%	TNH, JVC, VMD
Vận tải hàng không & Logistics	-3.4%	TMS, SCS, STG, ASG
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-3.4%	PNJ, TCM, MSH, GIL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtỷ, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	96,373 (4.1)	22.5	70.3	64.3	14.7	2.5	2.7	1.8	1.7	0.2	-1.1	2.8	-3.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	80,765 (3.4)	26.6	7.6	7.0	35.9	19.4	17.9	1.4	1.2	0.6	-3.2	9.6	11.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	88,767 (3.8)	17.8	15.8	14.1	-7.6	10.8	11.9	1.7	1.6	0.0	-2.2	-0.2	3.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	255,336 (10.9)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	-2.5	3.4	-0.4	-3.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	52,686 (2.2)	11.6	23.4	16.1	13.7	7.8	11.3	1.7	1.6	1.5	-0.3	-1.2	12.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	277,595 (11.8)	13.9	35.7	26.9	-	2.8	3.6	-	-	-3.3	0.3	11.0	14.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	62,919 (2.7)	6.3	13.6	11.9	11.7	23.0	21.0	2.7	2.2	3.3	5.3	9.1	22.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	30,703 (1.3)	12.7	11.7	9.7	-5.3	20.3	20.4	2.0	1.6	0.0	1.8	2.9	15.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	127,175 (5.4)	0.0	5.4	4.7	14.3	16.8	16.2	0.8	0.7	-0.9	5.6	11.1	23.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	107,707 (4.6)	1.4	8.4	6.8	50.3	16.4	17.7	1.1	1.0	0.3	2.7	3.2	5.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	181,105 (7.7)	0.0	8.8	6.7	18.8	13.8	14.6	1.1	1.0	-0.5	2.1	1.5	10.3
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	166,454 (7.1)	0.0	4.8	4.2	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	0.5	5.6	9.4	15.8
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	38,518 (1.6)	4.2	4.7	4.6	23.3	24.2	20.7	1.1	0.9	0.0	1.3	0.0	19.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	445,435 (19.0)	14.0	7.4	4.4	26.5	19.4	25.1	1.1	0.9	-0.9	1.3	12.4	24.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	116,541 (5.0)	0.0	6.8	5.9	37.4	20.6	20.5	1.2	1.0	-0.8	7.4	11.8	24.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	77,278 (3.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-2.6	2.0	9.5	-11.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	26,295 (1.1)	21.0	16.0	14.4	15.8	10.1	10.6	1.6	1.5	0.9	1.3	-3.1	-4.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,308 (0.4)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	0.6	4.4	7.3	15.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	450,045 (19.2)	55.4	19.9	16.2	-3.2	8.3	10.2	1.6	-	0.0	3.0	12.4	36.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	161,997 (6.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.9	-1.9	7.7	47.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	144,912 (6.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-2.0	-1.3	7.6	34.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	482,618 (20.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.4	5.9	22.4	33.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	110,521 (4.7)	42.1	15.8	14.7	4.0	29.0	30.6	4.0	3.8	0.9	-0.9	-3.3	-12.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,237 (0.8)	36.9	22.3	20.3	7.3	21.2	21.5	3.9	4.3	0.9	2.6	-3.7	-4.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	61,612 (2.6)	16.5	40.2	18.8	-51.9	8.0	12.9	3.7	3.8	2.5	3.5	1.5	-20.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,368 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	0.8	10.8	-6.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	65,594 (2.8)	11.0	83.7	45.4	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.0	-2.7	0.8	-11.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	35,602 (1.5)	10.8	12.7	16.7	-57.0	22.4	11.9	1.8	1.7	1.2	4.4	4.0	14.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	135,285 (5.8)	38.4	14.3	11.6	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	-2.2	1.4	24.5	38.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	247,986 (10.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.8	12.6	26.1	40.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	37,250 (1.6)	3.6	23.8	20.0	-52.4	2.5	2.8	-	-	1.9	1.7	8.7	97.0
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	33,314 (1.4)	0.0	11.0	10.5	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	1.8	1.6	8.6	0.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	40,251 (1.7)	46.1	15.6	15.5	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	2.2	0.2	2.3	-7.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,950 (0.9)	31.4	12.5	12.3	-10.5	15.1	17.1	2.1	2.1	2.1	2.3	7.9	16.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,392 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	4.8	6.8	6.5	29.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	370,734 (15.8)	18.0	14.0	10.0	21.9	9.1	11.8	1.2	1.1	0.2	0.9	0.9	20.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	68,934 (2.9)	36.5	8.8	10.0	-0.5	12.3	11.0	1.0	1.0	2.6	5.6	1.2	-22.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	65,386 (2.8)	46.5	11.5	8.5	-4.5	10.8	15.5	1.3	1.3	3.0	7.2	9.9	-4.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	236,582 (10.1)	38.9	-	13.1	67.9	-0.7	6.7	0.8	0.7	2.3	1.0	1.9	37.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	67,148 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-2.1	3.6	6.5	67.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	26,378 (1.1)	4.6	16.3	14.4	-51.0	12.0	12.5	2.0	1.9	2.2	3.2	3.4	23.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	141,953 (6.0)	39.9	19.4	13.0	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	-0.4	2.1	17.8	35.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	65,744 (2.8)	35.9	8.2	7.1	2.2	13.8	14.3	1.1	1.0	2.1	2.1	7.2	-1.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	90,843 (3.9)	0.0	21.0	11.5	14.4	11.1	18.3	2.3	2.1	1.0	6.5	9.0	-4.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	26,495 (1.1)	0.0	13.8	11.3	2.4	20.5	21.8	2.5	2.1	1.0	3.2	-3.3	-18.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,573 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.2	5.3	27.2	44.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	38,032 (1.6)	30.3	44.3	18.4	-75.2	-	14.1	3.4	2.8	-0.6	3.8	2.5	-4.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	29,717 (1.3)	34.6	10.8	10.7	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	-0.4	1.4	14.1	18.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,803 (0.2)	45.4	11.6	10.7	10.7	25.6	24.6	2.9	2.5	-1.5	1.2	-4.9	29.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	72,139 (3.1)	0.0	15.5	12.9	15.5	26.9	27.4	3.9	3.3	1.4	2.3	8.4	10.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

